

TÌM HIỂU NGUỒN GỐC TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN TRONG *DI CHÚC* CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Minh Ngọc¹

¹ Tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Email: luyennguyenqueen@gmail.com

Nhận ngày 2 tháng 10 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 11 năm 2018.

Tóm tắt: Bản *Di chúc* là sự kết tinh những giá trị to lớn, bền vững của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó tư tưởng nhân văn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt. Trong bài viết này, tác giả đã góp phần luận giải để làm rõ nguồn gốc tư tưởng nhân văn trong *Di chúc* của Người. *Một là*, lòng nhân ái trong truyền thống gia đình, quê hương; *hai là*, truyền thống yêu nước Việt Nam; *ba là*, truyền thống nhân ái Việt Nam; *bốn là*, truyền thống nhân ái phương Đông; *năm là*, tác động của văn hóa phương Tây đến tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh; *sáu là*, chủ nghĩa Mác - Lênin - nền tảng hình thành tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Di chúc, tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, truyền thống nhân ái.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại và kính yêu của Đảng và dân tộc Việt Nam, chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, danh nhân văn hóa của nhân loại, trước lúc đi vào cõi vĩnh hằng đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta một bản *Di chúc* thiêng liêng, bất hủ. *Di chúc* là bản tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng, chỉ dẫn cho cách mạng Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Bản *Di chúc* là sự kết tinh những giá trị to lớn, bền vững của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó tư tưởng nhân văn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt. Đó là lòng yêu thương

và quý trọng con người, tin tưởng mãnh liệt vào sức mạnh và phẩm giá con người, đấu tranh để giải phóng con người - con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Toàn bộ *Di chúc*, tất cả là một chương trình hành động trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước sau khi nước nhà thống nhất. Đó là tình thương yêu bao la của Hồ Chí Minh để lại cho toàn Đảng, toàn dân: “Cuối cùng tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thiếu niên và nhi đồng”. Trong rất nhiều công việc bộn bề mà Người đã căn dặn lại trước lúc đi xa, điều “đầu tiên là công việc đối với con

người”, từ các bà mẹ liệt sĩ, các gia đình thương binh... đến nạn nhân của cuộc chiến tranh... đều được Người nhắc đến với sự quan tâm chu đáo.

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một di sản tinh thần vô giá, mãi mãi soi đường cho cách mạng Việt Nam. Bài viết này chỉ đề cập một vấn đề liên quan đến *Di chúc* của Bác, đó là nguồn gốc tư tưởng nhân văn trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tư tưởng nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là sự kết tinh những giá trị truyền thống của gia đình, quê hương, dân tộc mà còn bắt nguồn từ tinh hoa văn hóa nhân loại cả phương Đông lẫn phương Tây mà Người đã chắt lọc, kế thừa và phát huy.

Đánh giá về những giá trị tư tưởng nhân văn của những nhà hiền triết, của những nhà tư tưởng lớn của thế giới, Bác Hồ đã nhận xét: “Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phép biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó là thích hợp với điều kiện nước ta.

Khổng Tử, Giêsu, C.Mác, Tôn Dật Tiên chẳng những có điểm chung đó sao? Họ đều mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ

như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò của các vị ấy” [2, tr.15].

Kế thừa và phát triển có phê phán những thành tựu mà loài người đã đạt được là đặc điểm về phương pháp tiếp cận của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người không đem đối lập các hệ tư tưởng với nhau và với tôn giáo; trái lại, cố gắng tìm ra điểm chung giữa các hệ tư tưởng có nhiều khác biệt. Hồ Chí Minh đã chấp nhận sự tồn tại của các hệ tư tưởng, tôn giáo khác nhau để khai thác, vận dụng những tư tưởng phù hợp phục vụ cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước.

Tư tưởng nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện trong *Di chúc* là sự nối tiếp lôgic của nhiều giá trị nhân văn đúc kết lại.

Một là, lòng nhân ái trong đời sống gia đình, quê hương.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, nơi có truyền thống yêu nước, đấu tranh kiên cường chống ách thống trị của thực dân phong kiến. Thân mẫu của Hồ Chí Minh là người phụ nữ chịu thương, chịu khó, cần cù lao động, thương yêu chồng con, có lòng nhân hậu với xóm làng. Thân phụ của Người có lòng yêu nước thiết tha, thương dân sâu sắc, có thái độ chống thực dân, phong kiến. Cụ đã tạo điều kiện cho các con được học tập, lao động để hiểu “đạo lý làm người”. Chính gia đình, chính tấm gương lao động của thân mẫu, khí

phách của thân phụ đã nuôi dưỡng ở Hồ Chí Minh tình cảm yêu thương cha mẹ, anh em ruột rà, đồng bào cũng như tình yêu quê hương, đất nước; đồng thời nuôi dưỡng ở Người ý thức giải phóng đồng bào, giải phóng dân tộc.

Quê hương Hồ Chí Minh vốn là một vùng thiên nhiên khắc nghiệt, đất đai khô cằn “mùa đông trời rét buốt, mùa hạ nắng cháy da, ruộng đồng khô nứt nẻ, mưa đi không kịp về”. Bao đời dân xứ Nghệ phải gồng mình lên để sống, đấu tranh để làm người tự do. Ngay từ thời niên thiếu, Người đã hiểu rõ nỗi khổ cực, lầm than của đồng bào.

Chúng kiến đời sống khổ cực của đồng bào và phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp ngay trên quê hương mình, tình thương yêu con người, lòng nhân ái của Hồ Chí Minh càng được tích tụ lại. Người sớm có tư tưởng tìm kiếm giá trị con người, đánh đuổi thực dân, giành độc lập tự do cho đất nước, hạnh phúc cho đồng bào.

Hai là, truyền thống yêu nước Việt Nam.

Tại Đại hội II (1951) của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” [4, tr.38].

Theo GS. Nguyễn Đức Bình, truyền thống yêu nước Việt Nam có những nét đặc sắc: *Một là*, tinh thần độc lập tự chủ, anh dũng bất khuất trong đấu tranh dựng nước và giữ nước. Hiếm thấy một dân tộc nào trên thế giới phải đấu tranh trường kỳ như thế, gay go quyết liệt như thế, chống những kẻ thù xâm lược lớn mạnh nhiều gấp bội để bảo vệ độc lập, tự do, bản sắc và phẩm chất của dân tộc như dân tộc Việt Nam. *Hai là*, giàu tính cộng đồng, tính nhân dân, tính nhân bản... nước chủ yếu không phải là vua mà trước hết là dân, là đồng bào, là phẩm giá của dân tộc và con người. *Ba là*, tư tưởng yêu nước truyền thống Việt Nam có xu hướng gắn với tiến bộ xã hội. Tư tưởng Việt Nam chứa đựng khát vọng về tự do, công bằng, bình đẳng xã hội của nhân dân... Nhân dân Việt Nam yêu đất nước mình nhưng không vị kỷ, hẹp hòi dân tộc mà tôn trọng các dân tộc khác, khoan dung và quý trọng tình hòa hiếu” [1, tr.67].

Ba là, truyền thống nhân ái Việt Nam.

Giá trị cao quý của người Việt Nam là đoàn kết, đùm bọc, che chở nhau, đó là “thương người như thể thương thân”, “lá lành đùm lá rách”, “một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ”. Tình yêu thương con người, luôn gắn bó với nhau của dân tộc ta được nảy sinh và phát triển từ lâu đời. Trong lao động sản xuất, trong đấu tranh chống thiên tai và nhất là trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, để duy trì sự tồn tại và phát triển của mình, dân

tộc ta luôn đoàn kết thành một khối thống nhất.

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc yêu chuộng hòa bình, lòng nhân ái Việt Nam suốt chiều dài lịch sử lấy thiện trị ác, “lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo” (Nguyễn Trãi). Đó là một nội dung nhân văn cao cả của dân tộc ta.

Trong *Di chúc*, thuật ngữ đoàn kết được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc lại 7 lần, bởi đoàn kết là một trong những giá trị tinh thần quý báu và mang tính truyền thống của dân tộc ta. Dân tộc Việt Nam trong lịch sử luôn đoàn kết chặt chẽ, chung lưng đấu cật, sát cánh cùng nhau chống thiên tai, địch họa để xây dựng và bảo vệ đất nước. Đi sâu hơn nữa, chúng ta có thể khám phá nhiều điều quan trọng về quan điểm, nguyên tắc tính nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đặt những áng văn tiêu biểu của Hồ Chí Minh sau Chiếu dời đô, Bình Ngô đại cáo, Chiếu lên ngôi, Chiếu xuất quân..., chúng ta thấy rõ một mạch tư tưởng nhân văn, đó là mạch văn hóa xuyên suốt các thời đại lịch sử.

Bốn là, truyền thống nhân ái phương Đông.

Hồ Chí Minh ra đời trong một gia đình nhà nho, Người đã tiếp thu những gì tốt đẹp trong Nho giáo, đề cao vai trò văn hóa tri thức lễ giáo.

Hồ Chí Minh tiếp nhận nền học vấn đầu tiên là Nho học. Trong suốt thời kỳ hoạt động cách mạng, Người luôn quan tâm nghiên cứu các giá trị phương Đông.

Nho gia xuất hiện vào khoảng thế kỷ VI (trCN) thời Xuân Thu, người sáng lập là Khổng Tử (551-479). Thời đại Khổng Tử là thời mà theo ông “Lễ nhạc hư hỏng”, thời kỳ “vô đạo”, “thiên hạ đại loạn”, Do vậy, theo Khổng Tử, cần lập lại kỷ cương cho vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con, để cho thiên hạ hữu đạo. Nho gia chủ yếu hướng vào rèn luyện đạo đức con người. Một tổ hợp chuẩn mực đạo đức cơ bản được Nho gia quan tâm giáo dục như Nhân, Nghĩa, Trí, Tín, Dũng, Trung, Hiếu. Trong đó, đức “Nhân” được Nho gia cho là có vị trí quan trọng bậc nhất và đóng vai trò chi phối các chuẩn mực đạo đức còn lại. Hồ Chí Minh không dùng học thuyết Khổng Tử để cải tạo xã hội, song Người nói: “Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học” [3, tr.356]. Bởi, Người tìm thấy trong “các học thuyết ấy những viên ngọc có ích cho chúng ta và đó đều là những giá trị mà loài người đã sáng tạo ra.

Hồ Chí Minh nhắc đến nhiều lần ở những thời điểm khác nhau luận điểm của Nho giáo: “Tiên thiên hạ ưu, hậu thiên hạ lạc” (lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ). Theo Người, đây là luận điểm tích cực, đạo đức người cộng sản cũng phải thực hiện như vậy. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sử dụng, phát triển và nâng cao các khái niệm, giá trị tinh thần - đạo đức của Nho giáo trong giáo dục cán bộ, đảng viên và

nhân dân ta, như phải có lòng khoan dung, chân thành, tình tương ái và tương trợ.

Phật giáo cũng có những ảnh hưởng đối với tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh.

Phật giáo đặc biệt chú ý đến triết lý về nhân sinh. Phật giáo cho rằng con người không nhận thức được cái biến ảo, vô thường, vô định, và cũng không nhận thức được cái tôi nên “mắc vào bể khổ trầm luân”. Muốn thoát khỏi bể khổ cần phải nhận thức đầy đủ về “Tứ diệu đế” (Khổ đế, Nhân đế, Diệt đế, Đạo đế). Triết lý nhân sinh Phật giáo phản kháng chế độ đẳng cấp khác nghiệt, tố cáo bất công xã hội, đòi tự do tư tưởng, bình đẳng xã hội, ước vọng được thoát khỏi nỗi khổ, khuyên người ta sống đạo đức, từ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn, hướng thiện, cứu vớt chúng sinh khỏi mọi đau khổ. Đối với Phật giáo, Hồ Chí Minh tiếp thu triết lý nhân sinh ở đạo Phật, những giáo lý phù hợp với lối tư duy và cách ứng xử của người Việt, như lối sống giản dị, tinh thần tương thân tương ái, đồng cảm, sẻ chia,... Đó chính là tư tưởng được nhân dân ta và Hồ Chí Minh sử dụng với nghĩa tích cực để cứu quốc dân ra khỏi khổ nạn, giành độc lập cho dân tộc và hạnh phúc cho nhân dân.

Năm là, tác động của nền văn hóa phương Tây đến tư tưởng nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh đã đặt chân tới nhiều nước và tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác nhau trên thế giới, người đã đúc kết,

chắt lọc được những giá trị văn hóa nhân loại trong tư tưởng của mình.

Với tinh thần độc lập tự chủ và phê phán, Hồ Chí Minh đã tiếp nhận tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái để giáo dục, giác ngộ nhân dân. Đó là tư tưởng chính của công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng con người Việt Nam. Người đánh giá cao và coi trọng lý tưởng độc lập, tự do trong *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ và *Tuyên ngôn nhân quyền, dân quyền* của cách mạng Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, độc lập tự do là giá trị chủ yếu của các nước trên thế giới, là thành quả chung của nhân loại, đồng thời khẳng định quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc của các dân tộc, quyền của con người, giải phóng con người, chống lại các lực lượng áp bức dân tộc.

Sáu là, chủ nghĩa Mác - Lênin - nền tảng hình thành tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh.

Trong hành trình đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường cứu nước cứu dân trong học thuyết của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin. Người đã nghiên cứu sâu sắc về chủ nghĩa Mác - Lênin, nắm vững linh hồn, cái tâm của học thuyết đó và suy nghĩ để vận dụng vào giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam. Thành công đó là do Người đã nắm vững phương pháp biện chứng mácxít.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là nguồn gốc lý luận trực tiếp quyết định bản chất tư

tưởng Hồ Chí Minh. Hay nói cách khác, chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở chủ yếu nhất, là nền tảng hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng nhân văn của Người nói riêng. Chủ nghĩa Mác - Lênin “không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản” [5, tr.563]. Đây là bước ngoặt trong sự hình thành, phát triển tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, nâng tư tưởng nhân văn của Người lên một tầm cao mới phù hợp với thực tiễn của thời đại trên cơ sở chủ nghĩa nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Có thể nói, tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành, phát triển dựa trên bối cảnh lịch sử Việt Nam và bối cảnh lịch sử thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Chính bối cảnh lịch sử (cả trong nước và ngoài nước) lúc đó đã tạo nên động lực thúc đẩy Người đi tìm đường cứu nước, tìm con đường đúng đắn cho dân tộc đi tới độc lập, tự do. Đối với chúng ta, tìm hiểu tư tưởng nhân văn trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn có tính thời đại, tính cấp thiết. Bởi lẽ, tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là kim chỉ nam cho dân tộc trên đường cứu nước, mà còn trang bị cho nhân dân ta một nhân sinh quan mới. *Di chúc* của Người nói chung, tư tưởng nhân văn nói riêng bao giờ cũng hàm chứa giá trị khoa học, giá trị lịch sử và giá trị văn hóa.

Tư tưởng nhân văn trong *Di chúc* của Hồ Chí Minh có giá trị và tác động to lớn đến cuộc vận động của Đảng ta về trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu, của cán bộ và đảng viên. Thực tế cho thấy, Hồ Chí Minh là tấm gương vĩ đại nhất, trong sáng nhất cho tất cả cán bộ, đảng viên học tập và làm theo đạo đức, phong cách của Người. Đảng ta chủ trương, “nêu gương thì tất cả cán bộ, đảng viên đều phải làm, nhưng trước hết các lãnh đạo cao nhất phải có trách nhiệm.

Tư tưởng nhân văn trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là tấm gương sáng góp phần dẫn dắt toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta vững bước tiến lên trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Đức Bình (2010). *Quan hệ giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Lênin. Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay.* Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
- [2] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Lê Hữu Nghĩa, Nguyễn Đức Lữ (Đồng chủ biên) (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và công tác tôn giáo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [3] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.6, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.